TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16- 01- 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quang

Ông Lương Khăm Niên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vy Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 65/2022/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022, Quyết định Hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh L V L, sinh năm 1984. Có đơn xét xử vắng mặt

Trú tại: Bản N M, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn*: Chị L Th D, sinh năm 1983. Có đơn xét xử vắng mặt.

Trú tại: Bản N M, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn nộp ngày 13 tháng 6 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh L V L trình bày:

Tình cảm: Anh L và chị L Th D tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2006. Anh L và chị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 14 tháng 3 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do, quan điểm

sống khác nhau, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau thậm tệ, đến tháng 3/2018 chị D bỏ công việc giáo viên, bỏ chồng, bỏ con đi đâu anh L không rõ, đến tận thời gian sau này anh L mới liên lạc được với chị D, vợ chồng cũng sống ly thân nhau đã lâu. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh L có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

- Về con chung: Anh L và chị D có 02 con chung tên cháu là L Nh D, sinh ngày 22/11/2006, hiện nay cháu đang học lớp 11 tại Trường vùng cao Việt Bắc ở tỉnh Thái Nguyên và cháu L Nh Đ, sinh ngày 10/3/2012 hiện cháu đang sống cùng ông bà nội, anh L tại bản N M, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Về nguyện vọng nuôi con anh L có ý kiến như sau: Đối với cháu L Nh D thì cháu đã 16 tuổi, cháu thường xuyên liên lạc với chị D, bản thân cháu cũng có nguyện vọng ở với chị D nên tôi đồng ý theo nguyện vọng của cháu. Con cháu L Nh Đ hiện nay cháu chủ yếu là do ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng, chị D cũng thường xuyên liên lạc quan điện thoại, gửi tiền cho ông bà nội nuôi dưỡng cháu hàng ngày, anh L cũng đã hỏi ý kiến của cháu thì cháu có nguyện vọng ở với ông bà nội và ở với chị D. Anh L cũng đã từng hỏi ý kiến của chị D thì chị D cũng có nguyện vọng nuôi các cháu L Nh Đ, L Nh D. Bản thân Lay cũng không muốn tách hai đứa con nên tôi đồng ý cho chị D nuôi dưỡng cả hai cháu cháu L Nh Đ, L Nh D cho đến khi các cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng anh L vẫn có trách nhiệm với các con nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 12 năm 2022 bị đơn chị L Th D trình bày:

Tình cảm: Chị D và anh L V L tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2006. Chị D và anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 14 tháng 3 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do, vợ chồng rơi vào hoàn cảnh khó khăn nên năm 2018 chị D báo với anh L là chị D đi làm ở trong Bình Dương, anh L cũng đồng ý với ý kiến của anh L chứ bản thân chị D không tự ý bỏ đi. Có một khoảng thời gian chị D không liên lạc với anh L vì cuộc sống của bản thân chị D còn khó khăn nhưng anh L có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng quyết định sống ly thân nhau từ năm 2018. Nay anh L có nguyện vọng ly hôn với chị D thì chị D đồng ý.

Về con chung: Chị D và anh L có 02 con chung tên cháu là L Nh D, sinh ngày 22/11/2006, hiện nay cháu đang học lớp 11 tại Trường vùng cao Việt Bắc ở tỉnh Thái Nguyên và cháu L Nh Đ, sinh ngày 10/3/2012 hiện cháu đang sống

cùng ông bà nội tại bản N M, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Năm 2018 chị D có đi làm ăn ở trong Bình Dương chứ bản thân chị D không phải bỏ chồng, bỏ con đi để lo cho bản thân. Do cuộc sống khó khăn nên chị D phải tự mình đi làm ăn xa. Đối với các con chị D cực kỳ yêu thương các cháu, chị D có thể bỏ chồng nhưng bản thân chị D không thể bỏ con được. Chị D hiện nay đang Giáo viên thu nhập khoảng 9.000.000đ, ngoài ra chị D còn có thu nhập làm thêm nữa. Hàng tháng chị D vẫn thường xuyên gửi trực tiếp tiền ăn học cho cháu L Nh D đang học lớp 11 ở Vùng cao Việt Bắc, còn cháu Đ chị D thường xuyên gửi tiền và bánh kẹo, quần áo, sữa cho ông bà nội để hỗ trợ ông bà tiền nuôi dưỡng cháu Đ. Bản thân Chị D phải đi làm mới có thể có tiền nuôi con, dù không trực tiếp chăm sóc các cháu nhưng bản thân chị D hàng ngày vẫn gọi điện nhắc nhở, hỏi thăm sức khỏe, nói chuyện tâm sự với các cháu. Bản thân anh L là đàn ông không thể chăm sóc con cái tốt bằng chị D. Cháu D, cháu Đ cũng chủ yêu là do ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng, còn chị D là người hỗ trợ ông bà về mặt vật chất. Nên nếu ly hôn chị D kính mong Tòa án cho chị D được nuôi dưỡng cháu L Nh Đ, sinh năm 2006 và cháu L Nh D, sinh năm 2012 cho đến khi các cháu đủ trưởng thành. Về cấp dưỡng chị D không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết

Biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2022 cháu L Nh Đ trình bày: Cháu Đ có nguyện vọng ở với chị D và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2022 cháu L Nh D có nguyện vọng ở với chị D và không yêu cầu anh L cấp dướng tiền nuôi con..

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2022 ông L V D và bà L Th X (bố mẹ đẻ anh L V L): Ông D và bà X đồng ý giao hai cháu L Nh D và cháu L Nh Đ cho chị L Th D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2022 bà L Th Đ (mẹ đẻ chị L Th D): Bà L Th Đ có nguyện vọng giao hai cháu L Nh D và cháu L Nh Đ do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L V L cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân anh L V L được ly hôn với chị L Th D; Về con chung giao các cháu L Nh D, sinh ngày

22/11/2006 và cháu L Nh Đ, sinh ngày 10/3/2012 cho chị L Th D chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành; Về cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh L; Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị L Th D có hộ khẩu thường trú tại bản N M, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh L V L và bị đơn Chị L Th D thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn, Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Anh L và chị D kết hôn với nhau vào năm 2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 04/2008 ngày 14/3/2008 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Quan hệ hôn nhân: Anh L và chị D trong quá trình sống chung bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và đã sống ly thân với nhau từ năm 2018. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh L và chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh L là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Anh L và chị D có 02 con chung là cháu L Nh D, sinh ngày 22/11/2006 và cháu L Nh Đ, sinh ngày 10/3/2012 hiện nay đang sống chung với ông bà nội và anh L tại bản N M, xã X M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Anh L và chị D đều có nguyện vọng giao hai cháu D và Đông do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành. Anh L và chị D đều không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Cháu D và cháu Đ đều có nguyện vọng ở với chị D.

Xét thấy nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cũng như quy định của pháp luật nên cần chấp nhận nguyện vọng của các bên là phù hợp.

[3.3] Tài sản, nợ chung: Anh L và chị D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Anh L V L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh L V L được ly hôn với Chị L Th D.

2. Con chung:

- Giao hai cháu L Nh D, sinh ngày 22/11/2006 và cháu L Nh Đ, sinh ngày 10/3/2012 cho chị L Th D chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh L.

- Anh L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Anh L V L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã theo biên lai số 0010651 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.T D;
- UBND xã X M;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.T D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Ái